|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| QUỐC HỘI KHÓA XV**ỦY BAN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**  |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2021* |

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**Thẩm tra sơ bộ Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập,
hồ chứa nước giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện sự phân công của Lãnh đạo Quốc hội, ngày 09/9/2021, trên cơ sở Tờ trình số 317/TTr-CP ngày 01/9/2021 của Chính phủ và hồ sơ Đề án kèm theo, Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH,CN&MT) đã tổ chức phiên họp mở rộng để thẩm tra sơ bộ Đề án. Ngày 14/9/2021, Ủy ban KH,CN&MT đã có Báo cáo số 110/BC-UBKHCNMT15, ngày 14/9/2021 thẩm tra sơ bộ Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Thường trực Ủy ban KH,CN&MT xin báo cáo tóm tắt như sau:

# **I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

## **1. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Thường trực Ủy ban tán thành với sự cầnthiết xây dựng Đề án như trong Tờ trình của Chính phủ, đồng thời cho rằng, việc xây dựng Đề án là hết sức cấp bách bởi an ninh nước (ANN) là vấn đề mang tính toàn cầu, được nhiều quốc gia, các tổ chức quốc tế hết sức quan tâm. Việt Nam đang đứng trước nguy cơ thiếu nước do yếu tố tự nhiên, trước áp lực gia tăng dân số, thách thức của quá trình đô thị hóa và tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH). Hơn nữa, bảo đảm ANN cũng đang đặt ra nhiều vấn đề đối với các vùng ven biển của đất nước ta.

**2. Cơ sở chính trị, pháp lý xây dựng Đề án và hồ sơ Đề án**

## Thường trực Ủy ban đánh giá cao sự khẩn trương, nghiêm túc của Chính phủ trong việc chuẩn bị hồ sơ Đề án theo Nghị quyết của Quốc hội. Đề án đã thể chế hóa chủ trương của Đảng, thực hiện các nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ. Vì vậy, Thường trực Ủy ban thống nhất về cơ sở chính trị và pháp lý để xây dựng Đề án như trong Tờ trình của Chính phủ.

# **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ**

**1. Về tên và nội dung Đề án**

*1.1. Về tên của Đề án*

Một số ý kiến băn khoăn về cụm từ “an ninh nguồn nước” vì nội hàm hẹp hơn so với khái niệm “an ninh nước". Tuy nhiên, nếu sử dụng cụm từ “an ninh nước” để bao quát đầy đủ, toàn diện hơn theo tiếp cận quốc tế thì dễ gây hiểu lầm với khái niệm *“*quốc gia”hay“đất nước”; còn nếu sử dụng cụm từ “an ninh tài nguyên nước” cũng không đầy đủ. Một số ý kiến khác cho rằng, không nên thể hiện nội dung “*an toàn đập, hồ chứa nước*”trong tên của Đề án bởi lẽ đây chỉ là một trong những nhiệm vụ, giải pháp cần phải thực hiện để bảo đảm an ninh nguồn nước.

Qua xem xét, Thường trực Ủy ban thấy rằng, tên gọi của Đề án *“Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045”* như Tờ trình của Chính phủ là phù hợp.

 *1.2. Về phạm vi và đối tượng của Đề án*

Thường trực Ủy ban thống nhất giới hạn 4 nội dung ANN theo tiếp cận quốc tế, tuy nhiên cần bám sát những nội dung này. Theo đó, Đề án cần làm rõ phạm vi các nguồn nước; bổ sung các nhóm đối tượng của Đề án, các hoạt động có liên quan. Về tầm nhìn của Đề án, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy, việc phân định giai đoạn và tầm nhìn của Đề án cơ bản phù hợp.

 *1.3. Về nội dung cơ bản của Đề án*

Đề nghị Chính phủ bổ sung một số kết quả chủ yếu của việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước (ANNN-ATĐ-HCN). Đồng thời, cần thể hiện nổi bật hơn một số hạn chế, thách thức đối với bảo đảm ANNN-ATĐ-HCN ở nước ta, cụ thể như sau:

 (1) Pháp luật Việt Nam chưa có khái niệm về ANNN, còn thiếu khung pháp lý được xây dựng theo cách tiếp cận quản lý tổng hợp, đa ngành cho ANNN;

 (2) Công tác quy hoạch ngành nước còn thiếu đồng bộ, thiếu sự điều phối chung. Chưa có quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh;

 (3) Quản trị nước còn là khâu yếu. Hiệu quả khai thác, sử dụng nước trong các ngành sản xuất còn thấp; sử dụng nước lãng phí; khả năng tiếp cận nguồn nước không đều giữa các khu vực;

 (4) Chưa chú trọng kinh tế nước. Nguồn lực đầu tư cho phát triển ngành nước còn hạn chế, chủ yếu từ ngân sách nhà nước; thiếu cơ chế, chính sách thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân; sản phẩm nước chưa được coi là hàng hóa, chưa được định giá theo thị trường. Tài chính nước còn nhiều hạn chế;

 (5) Nguy cơ thiếu nước ngày càng hiện hữu;

(6)Nhận thức của xã hội, của người dân và cơ quan quản lý về ANNN-ATĐ-HCN còn hạn chế, thiếu thống nhất.

## *1.4. Về quan điểm của Đề án*

Thường trực Ủy ban cơ bản nhất trí với quan điểm của Đề án như Chính phủ trình và cho rằng, quan điểm về bảo đảm ANNN quốc gia cần dựa trên các tiếp cận quốc tế, đồng thời phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Theo đó, cần nghiên cứu bổ sung một số nội dung sau:

(1) Bảo đảm ANNN đối với nước ta là vấn đề hết sức cấp bách;

(2) Chủ động giải quyết căn bản vấn đề về ANNN một cách đồng bộ; phát huy nguồn nước nội sinh. Bảo vệ, phát triển nguồn nước; phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước, phòng chống thảm họa thiên tai liên quan đến nước;

(3) Bố trí, huy động nguồn lực đầu tư dài hạn cho bảo đảm ANNN-ATĐ-HCN, có lộ trình, có trọng tâm, trọng điểm. Kết hợp hài hoà giải pháp công trình và phi công trình;

(4) Phát triển kinh tế nước, coi sản phẩm nước là hàng hóa thiết yếu, cần được quản lý, vận hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội, các thành phần kinh tế đầu tư vào ngành nước;

(5) Hợp tác quốc tế trong giải quyết các vấn đề liên quan nguồn nước liên quốc gia;

(6) Hoàn thiện thể chế, chính sách quản trị nước theo hướng quản lý tổng hợp, trên cơ sở nhu cầu sử dụng và giá trị nước;

(7) Ứng dụng KH&CN hiện đại trong bảo đảm ANNN-ATĐ-HCN.

## *1.5. Về mục tiêu của Đề án*

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT thấy rằng, mục tiêu của Đề án cần: (1) Cụ thể hóa quan điểm của Đề án về ANNN-ATĐ-HCN; (2) Giải quyết được các thách thức, tồn tại, bất cập và vướng mắc trong bảo đảm ANNN-ATĐ-HCN của đất nước trước mắt và dài hạn; (3) Lượng hóa được để đánh giá, giám sát theo tiếp cận quốc tế; (4) Bảo đảm tính khả thi về nguồn lực và tổ chức thực hiện.

### *- Mục tiêu cụ thể đến năm 2030*

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số nội dung sau: (1) Giảm sự phụ thuộc vào nguồn nước xuyên biên giới; (2) Bảo đảm các chỉ tiêu về ANNN quốc gia; (3) Xây dựng cơ chế tài chính về nước; (4) Bảo vệ, phát triển rừng là nguồn sinh thủy, bảo tồn và phát triển bền vững môi trường sinh thái; (5) Bảo đảm dòng chảy tối thiểu cho các dòng sông; xử lý, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt; chủ động, ứng phó kịp thời với mọi thảm họa, thiên tai do nước gây ra.

###  - *Mục tiêu cụ thể đến năm 2045*

 Đề án cần đặt ra các mục tiêu phấn đấu như sau:

(1) Nâng cao chỉ số an ninh nước của quốc gia đạt mức độ hiệu quả theo tiếp cận quốc tế; (2) Tiếp tục hoàn thiện chính sách pháp luật về nước; (3) Chủ động được nguồn nước nội sinh, giảm phụ thuộc tối đa vào nguồn nước bên ngoài lãnh thổ; (4) Quản lý dự báo, điều tiết nước, phòng ngừa lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó với BĐKH trên nền tảng ứng dụng KH&CN hiện đại.

*1.6. Về nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Đề án*

 Một số nội dung còn mang tính chung chung hoặc đang là nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, ngành; chưa thực sự thể hiện tính hành động trong giải quyết các vấn đề cấp thiết để bảo đảm ANNN-ATĐ-HCN; chưa bám sát các mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của Đề án. Đề nghị cần hoàn thiện thêm các nhiệm vụ, giải pháp này.

*1.7. Về kinh phí thực hiện Đề án*

 Theo Tờ trình của Chính phủ, tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án trong giai đoạn 2021-2030 là 610.000 tỷ đồng; trong đó, vốn ngân sách trung ương là 200.000 tỷ, vốn ngân sách địa phương và xã hội hóa là 410.000 tỷ. Giai đoạn 2021-2025 ngân sách Trung ương 80.000 tỷ đồng, ngân sách địa phương và xã hội hóa 168.000 tỷ đồng.

Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi, đề nghị Chính phủ tổng hợp đầy đủ kinh phí đã phân bổ ở tất cả các ngành, lĩnh vực và đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 29/2021/QH15 và đối chiếu với Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội để thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn đầu của Đề án; làm rõ cơ sở pháp lý để xác định tỉ lệ cơ cấu các nguồn vốn trong toàn bộ giai đoạn triển khai Đề án và riêng cho giai đoạn 2021- 2025.

 Ngoài ra, đề nghị Chính phủ cần làm rõ khả năng huy động nguồn vốn ngoài ngân sách bố trí cho Đề án trong giai đoạn 2021- 2025; nhất là nguồn vốn xã hội hóa; nguồn hợp tác công tư; bổ sung thêm nguồn vốn lồng ghép với các chương trình, dự án khác đang triển khai nhằm đảm bảo tính thống nhất, khả thi, đồng bộ, đảm bảo nguyên tắc đầu tư có lộ trình, trọng tâm, trọng điểm trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án; làm rõ căn cứ phân bổ nguồn vốn cho giai đoạn 2026-2030.

 **2. Về ban hành Nghị quyết và tên của Nghị quyết**

### *2.1. Về ban hành Nghị quyết*

Qua thảo luận, đa số ý kiến Thường trực Ủy ban tán thành với đề nghị của Chính phủ cần thiết ban hành Nghị quyết riêng của Quốc hội về vấn đề này. Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị nghiên cứu, tích hợp vào Nghị quyết chung của kỳ họp.

*2.2. Về tên của Nghị quyết*

Dự thảo Nghị quyết do Chính phủ trình có tên là “*Nghị quyết Phê duyệt Đề án Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.*

Thường trực Ủy ban nhận thấy, trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhất trí trình Quốc hội ban hành Nghị quyết riêng thì *đề nghị không lấy tên gọi như dự thảo Nghị quyết kèm theo hồ sơ Đề án vì Quốc hội không phê duyệt toàn bộ Đề án.* Tên gọi của Nghị quyết phải phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội quy định trong Luật Tổ chức Quốc hội.

*2.3. Nội dung dự thảo Nghị quyết*

Thường trực Ủy ban nhận thấy, trong trường hợp này Nghị quyết của Quốc hội chỉ nên thể hiện những nhận định khái quát, quan điểm, mục tiêu chung; một số chỉ tiêu, giải pháp chủ yếu; xác định rõ chủ thể và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Đề nghị cụ thể hóa, xác định các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội và nội dung Quốc hội cần giao các chủ thể khác thực hiện. Cần xác định rõ những đạo luật, những nội dung chính sách nào cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để bảo đảm khắc phục những khó khăn, vướng mắc hiện nay cũng như có tính khả thi để đáp ứng các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết. Ngoài ra, đềnghị xác định rõ các nhiệm vụ ưu tiên đầu tư, bảo đảm chặt chẽ, khả thi, đồng bộ với các quy định có liên quan; cân nhắc nội dung về bố trí vốn thực hiện Đề án (khoản 2 Điều 2); lựa chọn kỳ báo cáo (khoản 3 Điều 2) cho phù hợp hơn.

**III. KIẾN NGHỊ**

Thường trực Ủy ban nhận thấy, Đề án được chuẩn bị tương đối công phu, đã thể chế chủ trương, đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước; việc soạn thảo, xin ý kiến, tiếp thu hoàn thiện Đề án đã bám sát và thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật. Thường trực Ủy ban kính đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép trình Quốc hội xem xét Đề án và thông qua Nghị quyết tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt thẩm tra sơ bộ Đề án “*Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **THƯỜNG TRỰC ỦY BAN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG** |